

Án số: 45/2021/HSST
Ngày 28/07/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MỸ, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Xuân Thuật

Ông Vũ Minh Đón,

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ tham gia phiên tòa:

Bà Hà Thị Mai Thành – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28/07/2021, tại trụ sở tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 49/2021/TLST-HS ngày 05 tháng 07 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2021/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 07 năm 2021 đối với bị cáo:

Mai Thị T, sinh ngày 14/12/2001. *Có mặt*

Nơi sinh: xã S, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

Hộ khẩu thường trú: thôn A, xã Đ, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: không.

Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 9/12.

Con ông: Mai Văn T, sinh năm 1980.

Con bà: Phạm Thị H, sinh năm 1981.

Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con lớn nhất.

Chồng: Nguyễn Xuân H, sinh năm 1992.

Con: có 01 con, sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/4/2021. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên.

*** Bị hại:** Chị Bùi Thị H, sinh năm 1992. *Vắng mặt*

Trú tại: thôn H, xã L, huyện Y, tỉnh Hưng Yên

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Hoàng Mạnh T, sinh năm 1984. *Vắng mặt*

Trú tại: thôn H, xã L, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

- Anh Đỗ Văn N, sinh năm 1988. *Có mặt*

Trú tại: thôn T, xã L, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

- Anh Mai Văn T, sinh năm 1980. *Có mặt*

- Chị Phạm Thị H, sinh năm 1981. *Có mặt*
Đều trú tại: thôn T, xã P, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

*** Người làm chứng:**

- Bà Chu Thị B, sinh năm 1958.
Trú tại: thôn A, xã Đ, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

- Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1983
Trú tại: thôn G, xã T, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

- Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1962
- Anh Vũ Đình Đ, sinh năm 1992.

Đều trú tại: thôn H, xã L, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

Tại phiên tòa, người làm chứng đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Mai Thị T sinh ngày 14/12/2001 đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã Đ, huyện P, tỉnh Hưng Yên. T ở trọ tại thôn H, xã L, huyện Y, cùng phòng với anh Vũ Đình Đ sinh năm 1992 ở xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương. T thường xuyên sang cửa hàng bán tạp hoá của chị Bùi Thị H sinh năm 1992 ở thôn H, xã L, huyện Y chơi. Khoảng 14 giờ ngày 09/4/2021, T một mình đi bộ sang nhà chị H chơi. Khi đó chị H đang bán hàng và trông con gái 3 tuổi, thấy T đến chị H nhờ T trông con. Khi đang chơi với cháu bé thấy bím của cháu bé đầy cần phải thay nên T bảo với chị H, do đang bán hàng nên chị H nhờ T thay bím giúp, T hỏi bím ở đâu, chị H bảo ở trong tủ đáy. Sau đó T đi vào gian phòng ngủ của gia đình chị H thấy tủ nhựa màu trắng kê cạnh cửa ra vào, T mở các ngăn tủ tìm bím, khi mở đến ngăn trên cùng thì thấy bên trong ngăn tủ này có 01 hộp nhựa đựng đồ trang sức màu cam, T mở hộp ra thấy bên trong có 01 sợi dây chuyền dạng mắt xích và 01 nhẫn tròn đều bằng vàng nên đã nảy sinh ý định trộm cắp, T lấy sợi dây chuyền và chiếc nhẫn cất vào túi quần đang mặc phía sau bên phải. Sau đó T đi ra thay bím cho con chị H và ngồi chơi một lúc thì đi về. Sau khi trộm cắp T cất số tài sản này vào túi xách của T để tại phòng trọ. Ngày 11/4/2021, T mang 01 chiếc nhẫn đến cửa hàng vàng bạc N, ở thôn T, xã L, huyện Y bán cho anh Đỗ Văn N, sinh năm 1988 chủ cửa hàng, anh N kiểm tra và cân xác định là 01 chỉ vàng 9999 nên đã mua với giá 5.020.000 đồng, sau đó T lại mua của anh N 01 lắc tay bằng vàng (loại vàng tây) hết 3.500.000 đồng, anh N trả lại cho T 1.520.000 đồng. Ngày 16/4/2021, T tiếp tục mang 01 dây chuyền đã trộm cắp đến cửa hàng vàng bạc M, ở thôn H, xã L, huyện Y bán cho anh Hoàng Mạnh T, sinh năm 1984 là chủ cửa hàng, anh T kiểm tra và cân có khối lượng 03 chỉ vàng 9999 nên mua với giá 5.020.000đồng/1 chỉ và trả T 15.060.000 đồng/3chỉ, sau đó T mua của anh T 01 dây chuyền và 01 nhẫn vàng (loại vàng tây) với tổng số tiền 6.900.000 đồng. Đối trừ số tiền bán vàng anh T trả lại cho T số tiền 8.160.000 đồng.

Ngày 16/4/2021 chị Bùi Thị H có đơn trình báo Công an xã L, huyện Y việc gia đình chị bị kẻ gian trộm cắp tài sản. Ngày 18/4/2021 Mai Thị T đã đến Công an xã L đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của mình và giao nộp: 01 dây chuyền kim loại màu vàng được chế tác dạng mắt xích nối với nhau, treo 01 quả cầu bằng kim loại màu vàng, dài 40cm; 01 nhẫn kim loại màu vàng, mặt nhẫn có hình bông hoa bốn cánh gắn nhiều viên đá nhỏ không màu, đường kính 1,5cm; 01 chiếc lắc ta bằng kim loại màu vàng có gắn các quả cầu kim loại rỗng

có kích thước khác nhau, đường kính 05cm được niêm phong vào phong bì ký hiệu M1 và số tiền 7.360.000đồng được niêm phong vào phong bì kín ký hiệu T1. Công an xã L đã bàn giao đối tượng cùng hồ sơ vụ việc đến Công an huyện Yên Mỹ giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 18/4/2021 Cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Mỹ đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của T ở thôn H, xã L, Y nhưng không thu giữ đồ vật, tài liệu gì liên quan.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 09/BB – ĐG ngày 23/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Yên Mỹ kết luận: 01 sợi dây chuyền vàng 9999, loại 03 chỉ có giá trị 15.480.000 đồng và 01 nhẫn vàng (9999) 01 chỉ có giá trị 5.280.000 đồng. Tổng giá trị là 21.120.000 đồng.

Anh Đỗ Văn N đã mua 01 chiếc nhẫn vàng 1 chỉ của T. Sau khi mua chiếc nhẫn trên, anh N đã sửa lại và đánh bóng. Ngày 18/4/2021 anh N đã giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Mỹ được niêm phong trong phong bì ký hiệu N1. Anh N đề nghị xin nhận lại chiếc nhẫn vàng đã nộp cho cơ quan điều tra và không có yêu cầu Mai Thị T phải bồi thường gì thêm.

Anh Hoàng Mạnh T đã mua 01 sợi dây chuyền 3 chỉ của T. Anh T xác định ngày 16/4/2021 đã bán lại cho anh Nguyễn Minh T sinh năm 1983 ở thôn G, xã T, huyện Y là quản lý cửa hàng vàng bạc M có địa chỉ tại phường B, thị xã M, tỉnh Hưng Yên với số tiền 15.090.000đồng. Anh T đã tự nguyện giao nộp số tiền 30.000đồng cho Cơ quan điều tra là tiền lãi. Tuy nhiên, qua làm việc anh Nguyễn Minh T xác định toàn bộ số vàng thu mua trong ngày 16/4/2021 đã được nấu thành miếng, nên Cơ quan điều tra không thu giữ được, anh không nhớ có việc anh T đến bán sợi dây chuyền 3 chỉ hay không. Đối với số tiền 30.000.000đồng tiền lãi anh Hoàng Mạnh T đã giao nộp cho cơ quan điều tra, anh không có đề nghị nhận lại.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 27/4/2021 gia đình Mai Thị T đã bồi thường cho chị Bùi Thị H 04 chỉ vàng 9999, tương đương với số vàng T đã trộm cắp. Chị H đã nhận đầy đủ, không có yêu cầu đề nghị gì và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho T.

Đối với anh Đỗ Văn N, anh Hoàng Mạnh T khi mua số vàng của T, không biết là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Bản cáo trạng số 47/CT-VKS-YM ngày 05/07/2021 của Viện kiểm sát huyện Yên Mỹ đã truy tố bị cáo Mai Thị T về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ tham gia phiên tòa có quan điểm xác định sự vắng mặt của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Mạnh T và người làm chứng tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử bị cáo cũng như quyền lợi của họ nên đề nghị tiếp tục xét xử vụ án. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố; Sau khi phân tích, đánh giá, tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Mai Thị T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 và 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự; khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự, xử phạt bị cáo Mai Thị T từ 09 tháng đến 01 năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01

năm 06 tháng đến 02 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện P, tỉnh Hưng Yên nơi bị cáo cư trú, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Trả lại anh Đỗ Văn N 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng, hình tròn, trơn có khối lượng 3,74 gam.

Trả lại bị cáo T gồm: 01 dây chuyền kim loại màu vàng được chế tác dạng mắt xích nối với nhau, treo 01 quả cầu bằng kim loại màu vàng có tổng khối lượng 7,04 gam; 01 chiếc lắc tay bằng kim loại màu vàng có gắn các quả cầu kim loại rỗng có kích thước khác nhau có tổng khối lượng 5,04 gam; 01 nhẫn kim loại màu vàng, mặt nhẫn có hình bông hoa bốn cánh gắn nhiều viên đá nhỏ không màu có tổng khối lượng 2,07 gam; Số tiền 7.360.000đồng.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 30.000 đồng thu giữ của anh Hoàng Mạnh T, do anh T không nhận lại.

Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Bị cáo T đã thành khẩn khai nhận, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Bị cáo có ý kiến đề nghị tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt người tham gia tố tụng khác và xin được giảm nhẹ hình phạt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Văn N, có quan điểm đề nghị xin nhận lại chiếc nhẫn vàng mua của bị cáo T và đã giao nộp trong quá trình điều tra. Ngoài ra, không có yêu cầu bị cáo T phải bồi thường gì.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Mai Văn T, chị Phạm Thị H (là bố mẹ của bị cáo), xác định bị cáo có tác động nhờ gia đình đến bồi thường cho người bị hại chị Bùi Thị H. Nay anh T, chị H không có yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền đã bồi thường thay cho bị cáo.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Mạnh T, vắng mặt nhưng đã có đơn xin vắng mặt thể hiện rõ quan điểm tự nguyện không nhận lại số tiền 30.000đồng có được từ việc mua bán số vàng của bị cáo T trộm cắp mà có, không có yêu cầu bị cáo T bồi thường gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Mỹ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Về thủ tục tố tụng tại phiên tòa: Bị cáo và đại diện VKSND huyện Yên Mỹ đều có đề nghị tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh T và những người làm chứng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sự vắng

mặt của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh T và những người làm chứng tại phiên tòa hôm nay không ảnh hưởng đến việc xét xử bị cáo cũng như quyền lợi của họ. Vì vậy, HĐXX quyết định xét xử vụ án là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14 giờ ngày 09/4/2021, tại nhà chị Bùi Thị H ở thôn H, xã L, huyện Y, Mai Thị T đã có hành vi trộm cắp 01 dây chuyền vàng 3 chỉ (loại 9999); 01 nhẫn vàng 01 chỉ (loại 9999) có tổng giá trị là 21.120.000 đồng của chị H. Sau khi chị H có đơn trình báo, T đã đến Công an xã L, huyện Y đầu thú.

Do đó, Viện kiểm sát huyện Yên Mỹ truy tố bị cáo về tội “ *Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang bất bình cho quần chúng nhân dân. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo buộc phải nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng do động cơ tư lợi nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần áp dụng một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được hưởng tình tiết theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự, đó là: Bị cáo đã thành khẩn nhận tội, ăn năn hối cải; Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho người bị hại; Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Bị cáo đã ra đầu thú; Người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

Sau khi cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo phạm tội lần đầu, nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên việc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội là không cần thiết, mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền nơi cư trú giám sát giáo dục trong một thời gian nhất định cũng đủ tác dụng cải tạo giáo dục bị cáo, cũng như đáp ứng được yêu cầu phòng chống tội phạm nói chung.

Bị cáo bị xử phạt tù, nhưng được hưởng án treo nên sẽ được trả tự do ngay tại phiên tòa, nếu bị cáo không bị giam giữ về một tội phạm khác.

[3] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, bị cáo không có nghề nghiệp thu nhập ổn định, không có tài sản riêng có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng thu giữ của anh Đỗ Văn N, đây là chiếc nhẫn bị cáo đã trộm cắp và sau đó bán cho anh N, khi mua bán anh N không biết việc bị cáo trộm cắp và đã trả đủ tiền cho bị cáo, nay gia đình bị cáo đã thực hiện việc bồi thường cho người bị hại, do đó việc anh N có đề nghị xin nhận lại chiếc nhẫn nêu trên là hoàn toàn có cơ sở, cần trả lại cho anh N.

Đối với 01 dây chuyền kim loại màu vàng, 01 chiếc lắc ta bằng kim loại màu vàng, 01 nhẫn kim loại màu vàng và số tiền 7.360.000đồng mà bị cáo T đã giao nộp. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản và số tiền có được từ việc bị cáo T trộm cắp, tuy nhiên do gia đình bị cáo đã đứng ra bồi thường toàn bộ tài sản cho người bị hại, do đó tài sản này sẽ trả lại cho bị cáo.

Đối với số tiền 30.000đồng, anh Hoàng Mạnh T thu lãi được từ việc mua bán tài sản trộm cắp của bị cáo T, khi mua bán anh T không biết việc bị cáo trộm cắp, đáng lẽ phải trả lại cho anh T số tiền này, nhưng do anh T không nhận lại nên sẽ cho tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì đối với bị cáo nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 và 2 Điều 65; khoản 1 và 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 và 3 Điều 106; Khoản 2 Điều 136; khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Mai Thị T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Xử phạt bị cáo Mai Thị T 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện P, tỉnh Hưng Yên nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng:

Trả lại anh Đỗ Văn N 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng, hình tròn, trơn có khối lượng 3,74 gam.

Trả lại bị cáo T gồm: 01 dây chuyền kim loại màu vàng được chế tác dạng mắt xích nối với nhau, treo 01 quả cầu bằng kim loại màu vàng có tổng khối lượng 7,04 gam; 01 chiếc lắc ta bằng kim loại màu vàng có gắn các quả cầu kim loại rỗng có kích thước khác nhau có tổng khối lượng 5,04 gam; 01 nhẫn kim loại màu vàng, mặt nhẫn có hình bông hoa bốn cánh gắn nhiều viên đá nhỏ không màu có tổng khối lượng 2,07 gam; Số tiền 7.360.000đồng.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 30.000 đồng thu giữ của anh Hoàng Mạnh T, do anh T không nhận lại.

(Tình trạng vật chứng theo Quyết định chuyển vật chứng số 40/QĐ-VKS-YM ngày 05 tháng 07 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ).

4. Về trách nhiệm dân sự: Không phải xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Mai Thị T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên
- VKSND huyện Yên Mỹ.
- Chi cục THA dân sự huyện Yên Mỹ.
- Công an huyện Yên Mỹ.
- Người TGTT.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trung Kiên